**MÃ ĐỀ THI 001**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA  **CỤM TRƯỜNG THPT HOẰNG HÓA**  *(Đề thi gồm có 05 trang)* | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG**  **NĂM HỌC 2024 - 2025**  **Môn thi: Địa lí; Khối: 12. Thời gian: 60 phút**  *(Không tính thời gian giao đề)* |

*Họ, tên thí sinh:................................................................................... Số báo danh: .............................*

**PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (8.0 điểm)**

***Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn 1 phương án.***

**Câu 1.** Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo vĩ độ chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Lãnh thổ trải dài theo chiều Bắc - Nam, tác động của gió mùa Đông Bắc.

**B.** Ảnh hưởng của Biển Đông, gió mùa Tây Nam và tác động của dòng biển.

**C.** Hướng của các dãy núi, tác động của dải hội tụ nhiệt đới và các cơn bão.

**D.** Địa hình nước ta có sự phân hóa Đông - Tây, tác động của bão và áp thấp.

**Câu 2.** Mạng lưới đô thị nước ta phân bố không đều chủ yếu do tác động của

**A.** sức hút về đầu tư, quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chức năng của đô thị.

**B.** quy mô dân số, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các trung tâm dịch vụ.

**C.** trình độ phát triển kinh tế, quá trình công nghiệp hóa, phát triển ngành dịch vụ.

**D.** tình hình phát triển công nghiệp, mức độ tập trung dân cư, lịch sử khai thác.

**Câu 3.** Sự hình thành gió mùa Đông Nam ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta là do tác động kết hợp của

**A.** gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và áp thấp ở vùng Bắc Bộ.

**B.** gió tây nam từ biển Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy núi Bạch Mã.

**C.** gió tây nam từ biển Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Trường Sơn.

**D.** gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và dải hội tụ nội chí tuyển.

**Câu 4.** Giải pháp nào sau đây có tính chất quyết định để làm giảm tình trạng di dân tự do vào các đô thị ở nước ta?

**A.** Đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầngở nông thôn.

**B.** Đẩy mạnh công nghiệp hóa và xây dựng nông thôn mới.

**C.** Phát triển, mở rộng mạng lưới các đô thị vừa và nhỏ.

**D.** Giảm nhanh sự gia tăng dân số tự nhiên ở nông thôn.

**Câu 5.** Phần lớn sông ngòi nước ta có đặc điểm ngắn và dốc do các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

**A.** Hình dáng lãnh thổ và khí hậu.  **B.** Khí hậu và sự phân bố địa hình.

**C.** Địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.  **D.** Hình dáng lãnh thổ và địa hình.

**Câu 6.** Quá trình phân công lao động xã hội nước ta chậm chuyển biến chủ yếu do

**A.** quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp và phân bố đô thị không đều.

**B.** chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chất lượng, năng suất và thu nhập của lao động thấp.

**C.** quy mô dân số lớn, cơ cấu dân số trẻ, tốc độ gia tăng dân số giảm nhưng vẫn còn cao.

**D.** phân bố lao động không đều giữa các ngành, các thành phần kinh tế và giữa các vùng.

**Câu 7.** So với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông

**A.** đến sớm và kết thúc sớm hơn, nhiệt độ cao hơn.

**B.** đến sớm và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ xuống thấp.

**C.** thường đến muộn và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ ít thay đổi.

**D.** ngắn và nhiệt độ trung bình năm trên 200C.

**Câu 8.** Để phát huy tối đa lợi thế và tạo ra sự liên kết của các vùng, nước ta đã chú trọng tới việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nào sau đây?

**A.** Chuyển dịch cơ cấu giữa thành thị và nông thôn.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

**C.** Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

**D.** Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.

**Câu 9.** Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho mùa mưa ở đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ lệch về thu - đông?

**A.** Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam, dải hội tụ nhiệt đới, áp thấp nhiệt đới và bão.

**B.** Gió phơn Tây Nam, gió mùa Tây Nam, gió hướng đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới.

**C.** Gió mùa Đông Bắc, gió phơn Tây Nam, áp thấp, bão và dải hội tụ nhiệt đới.

**D.** Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, bão, áp thấp và dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 10.** Dân số nông thôn của nước ta chiếm tỉ lệ lớn chủ yếu do

**A.** nông nghiệp là ngành truyền thống, cần rất nhiều lao động.

**B.** công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển, đô thị thưa thớt.

**C.** tập quán trồng lúa nước, tâm lý thích sống ở nông thôn.

**D.** trình độ công nghiệp hóa chưa cao, xuất phát kinh tế thấp.

**Câu 11.** Lãnh thổ nước ta

**A.** có vùng đất gấp ba lần vùng biển.

**B.** chỉ tiếp giáp với các quốc gia trên biển.

**C.** có đường bờ biển dài từ Bắc vào Nam.

**D.** nằm hoàn toàn ở trong vùng xích đạo.

**Câu 12.** Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ nước ta trong thời gian từ tháng XI đến tháng IV năm sau là

**A.** nắng nóng và mưa nhiều.

**B.** nắng, nóng, trời nhiều mây.

**C.** nắng, ổn định, tạnh ráo.

**D.** nắng, ít mây và mưa nhiều.

**Câu 13.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là do

**A.** nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi.

**B.** địa hình đồi núi thấp, mưa lớn và tập trung theo mùa.

**C.** chế độ mưa phân hóa theo mùa, độ dốc của địa hình.

**D.** địa hình nhiều đồi núi, đất đá vụn bở và dễ bóc mòn.

**Câu 14.** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế nước ta hiện nay?

**A.** Hình thành các vùng động lực phát triển và các vùng trọng điểm về kinh tế.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất, tiến hành đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.

**C.** Xác định cơ cấu kinh tế hợp lí, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định.

**D.** Giảm tỉ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, tăng công nghiệp - xây dựng.

**Câu 15.** Việc hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Tăng cường chất lượng nguồn lao động và hội nhập quốc tế.

**B.** Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, sản xuất các hàng xuất khẩu.

**C.** Tập trung phát triển công nghiệp, mở rộng thị trường tiêu thụ.

**D.** Thu hút các nguồn đầu tư, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

**Câu 16.** Đặc điểm địa hình có ý nghĩa lớn trong việc bảo toàn tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta là

**A.** đồng bằng chiếm 1/4 diện tích nằm chủ yếu ở ven biển.

**B.** các dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.

**C.** đối núi chiếm phần lớn diện tích và chủ yếu là núi cao.

**D.** đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

**Câu 17.** Phương hướng quan trọng nhất nhằm giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay là

**A.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động và tăng cường sự quản lí của nhà nước ở miền núi.

**B.** kiểm soát tốc độ gia tăng dân số, phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa.

**C.** đẩy mạnh xuất khẩu lao động và mở rộng, đa dạng hóa loại hình đào tạo các cấp.

**D.** hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất và thu hút nguồn vốn đầu tư lớn.

**Câu 18.** Tây Bắc có mật độ dân số thấp hơn so với Đông Bắc chủ yếu do

**A.** khí hậu khắc nghiệt, nhiều thiên tai, là địa cư trú của nhiều dân tộc ít người.

**B.** nhiều thiên tai, địa hình hiểm trở, có ít tài nguyên khoáng sản.

**C.** địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, lịch sử khai thác muộn.

**D.** nền kinh tế còn lạc hậu, địa hình hiểm trở, cơ sở vật chất kĩ thuật còn nghèo.

**Câu 19.** Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Trung Bộ nước ta?

**A.** Gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió đông bắc và bão.

**B.** Gió mùa Đông Bắc, gió Tây, áp thấp và dải hội tụ nhiệt đới.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam, áp thấp nhiệt đới, bão.

**D.** Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây, bão và dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 20.** Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô là do ảnh hưởng của

**A.** Độ cao dãy núi Trường Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.

**B.** dãy núi Trường Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.

**C.** dãy núi Hoành Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.

**D.** dãy núi Trường Sơn kết hợp với ảnh hưởng của biển.

**PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai (7.2 điểm)**

***Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai***

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Do mức sinh giảm, tuổi thọ tăng nên cơ cấu dân số theo tuổi của nước ta biến đổi nhanh theo hướng giảm tỉ lệ nhóm trẻ em, tăng tỉ lệ nhóm cao tuổi. Việt Nam đang có cơ cấu dân số vàng nhưng cũng bước vào thời kì già hóa dân số.

**a)** Tỉ lệ người già trong dân số tăng lên thể hiện chất lượng cuộc sống được nâng cao, tuổi thọ trung bình của dân số tăng lên.

**b)** Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta đang biến đổi theo hướng già hóa dân số.

**c)** Cơ cấu dân số già trong tương lai sẽ khiến nền kinh tế của nước ta không thể phát triển do thiếu hụt trầm trọng nguồn lao động.

**d)** Tỉ lệ nhóm tuổi 0 - 14 tuổi giảm xuống chủ yếu do thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta đang là vấn đề cấp bách, mức độ ô nhiễm ở một số khu vực ngày càng gia tăng. Trong ô nhiễm môi trường, đáng chú ý nhất là ô nhiễm môi trường không khí và môi trường nước.

**a)** Tình trạng ô nhiễm bụi mịn xảy ra ở các thành phố chủ yếu do hoạt động công nghiệp tạo ra nhiều chất thải.

**b)** Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến ô nhiễm môi trường là do chất thải sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

**c)** Ở nước ta, tình trạng ô nhiễm không khí xảy ra nghiêm trọng tại các thành phố lớn, các khu công nghiệp.

**d)** Nguồn nước sông của nước ta ô nhiễm chủ yếu do chất thải công nghiệp, đô thị và hoạt động của các làng nghề.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Do đặc điểm nóng ẩm của khí hậu nhiệt đới, các quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ làm cho bề mặt địa hình bị thay đổi. Ở một số khu vực núi đá vôi hình thành địa hình các-xtơ với các dạng hang động, thung khô và các cánh đồng các-xtơ.

**a)** Địa hình các-xtơ phổ biến nhất ở Nam Trung Bộ nước ta với nhiều hang động nổi tiếng.

**b)** Do khí hậu mang tính chất nhiệt đới, với nền nhiệt cao, nên địa hình nước ta nghiêng theo hướng tây bắc - đông nam.

**c)** Việc hình thành các dạng địa hình độc đáo ở vùng núi đá vôi là biểu hiện của quá trình phong hóa hóa học tác động lên địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta.

**d)** Các cánh đồng các-xtơ, thung khô, hang động các-xtơ xuất hiện nhiều ở miền bắc nhất là vùng Đông Bắc, Trường Sơn Bắc.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Dân số và tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia năm 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Cam-pu-chia** | **Ma-lai-xi-a** | **Phi-lip-pin** |
| Dân số *(triệu người)* | 271,7 | 15,5 | 32,8 | 109,6 |
| Tỉ lệ dân thành thị (%) | 56,7 | 23,8 | 76,6 | 47,1 |

*(Nguồn: Niên giám thông kê Việt Nam 2021, NXB Thông kê, 2022)*

**a)** Dân số và tỉ lệ dân thành thị của In-đô-nê-xi-a cao nhất trong 4 quốc gia.

**b)** Tỉ lệ dân nông thôn của Campuchia năm 2021 là cao nhất, số dân nông thôn cao gấp 5,3 lần Philippin.

**c)** Năm 2021, Ma-lai-xi-a là quốc gia có số dân nông thôn ít nhất, khoảng 7,7 triệu người.

**b)** Để thể hiện dân số và tỉ lệ dân thành thị các nước, biểu đồ cột thích hợp nhất.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn**

**2005 - 2022** *(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần kinh tế** | **2005** | **2008** | **2011** | **2022** |
| Nhà nước | 4 976 | 5 059 | 5 250 | 5 186 |
| Ngoài nhà nước | 36 695 | 39 707 | 43 401 | 45 451 |
| Có vốn đầu tư nước ngoài | 1 113 | 1 695 | 1 701 | 2 204 |
| **Tổng số** | **42 784** | **46 461** | **50 352** | **52 841** |

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2023)*

**a)** Lao động trong khu vực nhà nước có tốc độ tăng trưởng chậm nhất trong giai đoạn 2005 - 2022, năm 2022 so với năm 2005 tăng 4,2 %.

**b)** Tỷ trọng lao động trong khu vực nhà nước giảm 1,8 %, khu vực ngoài nhà nước giảm 3,7 % từ năm 2005 đến năm 2022.

**c)** Tỷ trọng lao động trong khu vực nhà nước giảm, khu vực ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng, thành phần kinh tế ngoài nhà nước tăng nhanh hơn thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**d)** Lao động có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong giai đoạn 2005 - 2022, tăng cao hơn thành phần kinh tế nhà nước 93,8 %.

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế nước ta có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất, tỉ trọng đóng góp trong cơ cấu GDP tăng lên. Tỉ trọng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản ngày càng giảm. Cơ cấu lao động chuyển dịch phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chất lượng lao động tăng nhanh.

**a)** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế có mối quan hệ mật thiết với sự chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nhanh tỉ trọng kinh tế và lao động khu vực I và III, tăng tỉ trọng kinh tế và lao động khu vực II.

**b)** Tỉ trọng đóng góp của ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP ngày càng tăng, tỉ trọng ngành nông nghiệp giảm.

**c)** Cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

. **d)** Giá trị sản xuất và tỉ trọng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản ngày càng giảm.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** ***(4,8 điểm)***

***Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.***

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Dân số phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2016** | **2021** |
| Tổng số | 87067,3 | 90191,4 | 93250,7 | 98506,2 |
| Dân số thành thị | 26460,5 | 28865,1 | 31397,0 | 36564,7 |
| Dân số nông thôn | 60606,8 | 61326,3 | 61853,7 | 61941,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Hãy cho biết trong thời kì 2010 - 2021 tốc độ tăng trưởng dân số thành thị cao hơn tốc độ tăng trưởng số dân nông thôn của nước ta bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).*

**Câu 2.** Tại lưng chừng núi sườn đón gió ẩm ở độ cao 500 m có nhiệt độ là 250C, độ cao của đỉnh núi là 2500 m. Vậy nhiệt độ ở chân núi sườn khuất gió là bao nhiêu độ? *(Làm tròn đến hàng đơn vị của độ).*

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Một số sản** **phẩm chủ yếu của công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính giai đoạn**

**2010 - 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Điện thoại di động (triệu cái) | 37,5 | 235,6 | 201,6 | 183,3 |
| Ti vi lắp ráp (triệu cái) | 2,8 | 5,5 | 13,6 | 20,6 |

*(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết thời kì 2010 - 2021 ti vi lắp ráp tăng nhanh hơn điện thoại di động bao nhiêu lần? *(Làm tròn kết quả đến hai chữ số của phần thập phân).*

**Câu 4.**  Cho bảng số liệu:

**Số trẻ em sinh ra, số người chết và số dân của Việt Nam năm 2021** *(Đơn vị: người)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số trẻ em sinh ra** | **Số người chết** | **Tổng số dân** |
| Số người | 1550459 | 628458 | 98504400 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tỉnh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên (%) của Việt Nam năm 2021 *(làm tròn kết quả đến hai chữ số của phần thập phân).*

**Câu 5**. Cho bảng số liệu:

**Tổng giá trị xuất nhập khẩu và cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010 - 2018**

*(Đơn vị: Tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2018** |
| Tổng giá trị xuất nhập khẩu | 157 | 327,8 | 425,1 | 480,9 |
| Cán cân xuất nhập khẩu | -12,6 | -3,8 | 2,9 | 6,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết giá trị xuất khẩu của nước ta cao nhất vào năm nào?

**Câu 6.** Cho sản lượng khai thác thủy sản nước ta năm 2021 là 3,9 triệu tấn, tỉ trọng khai thác thủy sản là 44,32 %. Tính sự chênh lệch giữa sản lượng nuôi trồng thủy sản và sản lượng khai thác thủy sản nước ta năm 2021? *(Làm tròn đến số thập phân thứ nhất của triệu tấn)*.

-------------------------------------------Hết----------------------------------

*(Lưu ý: Thí sinh không được sử dụng bất kì tài liệu nào. Giám thị không giải thích gì thêm.)*